

Thứ ba, ngày 24 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/9/2019		•	
Tuần 23/9-27/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index có diễn biến giằng co quanh mốc tham chiếu trước khi lấy lại được đà tăng nhờ áp lực mua gia tăng tại các mã VNM, GAS, VIC. Trong phiên chiều, chỉ số giao dịch tích cực hơn và đã có lúc chạm đến ngưỡng 990 điểm nhưng lực cầu suy yếu đã khiến VN-Index đóng cửa ở mốc 988.13 điểm. Thị trường có phiên hồi phục theo xu hướng chung của khu vực mặc dù thanh khoản giảm nhẹ. **Nhìn chung, những nhịp rung lắc sẽ vẫn tiếp tục hiện diện trong những phiên tới khi chỉ số vận động trong vùng giá 980 – 1000 điểm. Nhà đầu tư có thể chốt lời trong ngắn hạn và giải ngân tại những cổ phiếu có KQKD quý 3 khả quan.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến âm ảm khi hầu hết các mã đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. MBB đang hoạt động quanh ngưỡng kháng cự 22. Thanh khoản giữ ở mức thấp dưới mức trung bình 20 phiên. Như vậy, MBB có khả năng vận động điều chỉnh giảm ngắn hạn trong các phiên tới, tạo áp lực giảm giá lên chứng quyền của cổ phiếu này.

Danh mục i-Invest: Theme_Chiến tranh thương mại_0.8%. 9/14 danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó **5/14** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX (0.2%)**. Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**.

Phân tích kỹ thuật: SSI_Tin hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.38 điểm**, đóng cửa 988.13. HNX-Index **-0.37 điểm**, đóng cửa 104.01.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.75); VNM (+1.23); VIC (+1.08); HPG (+0.12); PHR (+0.07)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.49); MSN (-0.34); CTG (-0.27); PLX (-0.27); MWG (-0.26)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,673 tỷ đồng**, **-12.9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.42 điểm. Thị trường có 144 mã tăng, 54 mã tham chiếu và 170 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **15.75 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (18.12 tỷ), HPG (11.5 tỷ) và VRE (10.8 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.71 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX 988.13Giá trị: 2672.97 tỷ **2.38 (0.24%)**

Khối ngoại (ròng): -15.76 tỷ

HNX-INDEX 104.01Giá trị: 254.44 tỷ **-0.37 (-0.35%)**

Khối ngoại (ròng): -0.72 tỷ

UPCOM-INDEX 56.87Giá trị: 206.76 tỷ **0.18 (0.32%)**

Khối ngoại(ròng): 48.66 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.3	-0.67%
Giá vàng	1,521	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,499	-0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,545	-0.14%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	2.84%
LS TPCP 5 năm	3.0%	-0.99%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	28.8	MSN	18.1
VIC	10.3	HPG	11.5
PDR	8.1	VRE	10.8
VCB	5.7	DPR	9.7
PVD	4.4	BID	9.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*9/14 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó 5/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (0.2%). Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **3/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Chiến tranh thương mại	0.8%	-1.1%	-4.6%	-5.2%	-4.4%	-3.3%	3.3%
BĐS & Khu công nghiệp	0.7%	-2.3%	0.4%	5.0%	2.5%	0.0%	61.4%
Vật liệu Xây dựng	0.7%	-1.5%	-2.6%	2.2%	1.9%	-0.7%	0.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	-0.5%	-0.1%	2.2%	-0.7%	1.5%	77.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.4%	1.0%	1.3%	6.1%	5.4%	1.3%	68.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	0.5%	2.2%	11.2%	10.4%	-0.3%	75.7%
Ngân hàng	0.2%	0.8%	3.2%	12.5%	5.0%	-2.1%	82.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	-1.6%	-5.6%	-5.7%	1.1%	8.2%	43.6%
Hàng tiêu dùng	0.1%	0.7%	0.8%	8.7%	10.8%	5.2%	63.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.2%	-1.7%	-2.4%	-1.5%	-6.0%	-11.9%	-9.9%
Xây dựng	-0.2%	0.3%	2.6%	0.5%	-7.6%	-13.0%	22.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	0.9%	-4.2%	-6.7%	-10.1%	-20.7%	41.3%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-0.5%	-0.7%	-2.0%	1.4%	6.7%	56.8%
Dầu khí	-0.6%	-1.5%	-2.1%	-3.0%	0.8%	-11.5%	12.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 11	0.7%	0.6%	0.0%	0.4%	-2.6%	-7.3%	80.1%
Danh mục 7	0.5%	0.6%	0.2%	4.8%	1.1%	-2.0%	48.7%
Danh mục 16	0.4%	1.1%	1.6%	8.4%	7.4%	1.6%	69.8%
Danh mục 14	-0.4%	-0.6%	0.1%	4.9%	5.3%	-3.7%	39.8%
Danh mục 10	-0.5%	-1.6%	3.8%	10.1%	11.8%	1.2%	64.8%

* Note **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	0.8%	0.3%	1.9%	10.5%	10.5%	7.7%	55.0%
Danh mục 20	0.4%	-1.0%	-1.6%	2.5%	0.3%	1.6%	18.0%
Danh mục 25	0.4%	-1.1%	-3.4%	5.3%	6.8%	24.0%	161.0%
Danh mục 24	0.0%	-1.1%	1.4%	9.4%	9.8%	1.0%	67.6%
Danh mục 21	-0.4%	-0.9%	0.9%	7.8%	9.2%	-3.6%	42.3%

* Note **3/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	0.2%	-0.9%	-0.4%	3.0%	0.5%	-2.3%	46.6%
VN30INDEX	0.1%	-0.2%	1.1%	4.9%	1.0%	-6.5%	37.1%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

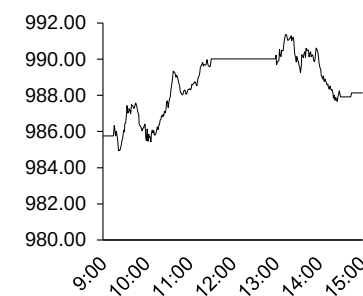
BSC RESEARCH

9/24/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

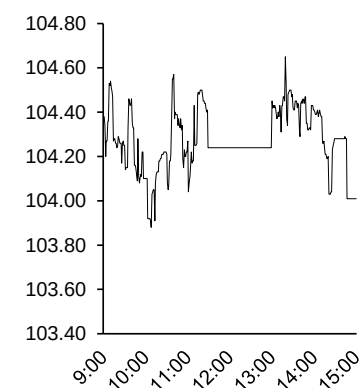
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-2.6%
Bán lẻ	-1.5%
Dầu khí	-1.1%
Công nghệ Thông tin	-0.4%
Bảo hiểm	-0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Xây dựng và Vật liệu	-0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Du lịch và Giải trí	0.0%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Hóa chất	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.4%
Ngân hàng	0.4%
Bất động sản	0.5%
Ô tô và phụ tùng	0.5%
Tài nguyên Cơ bản	0.7%
Y tế	0.7%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

SSI_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu SSI đang hình thành xu hướng hồi phục trong ngắn hạn. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đã cho thấy xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lên dài mây ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, SSI hồi phục ngưỡng hỗ trợ cũ 25 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 20/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 24/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.44	0.53%	-7.09%	9.94%	-18.93%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.47	0.23%	-6.59%	10.22%	-20.60%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.68	-0.10%	-4.09%	3.98%	-18.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1524.98	0.08%	1.52%	-0.06%	26.99%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.68	3.77%	4.62%	5.93%	31.29%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	889.21	0.96%	-1.20%	4.15%	5.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	483.25	-0.21%	-1.13%	2.17%	-8.30%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.26	0.00%	-0.44%	3.75%	13.21%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	164.00	-3.53%	-1.09%	-2.32%	13.10%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.22	1.17%	1.17%	-1.84%	8.09%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.09	0.00%	-2.83%	12.36%	-3.74%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	98.90	0.51%	-1.88%	5.05%	0.41%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.60	0.50%	-0.83%	2.34%	-7.69%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3774.00	2.25%	-1.20%	0.67%	-16.80%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1795.00	-0.28%	-0.83%	0.90%	-12.86%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.00	-1.08%	-2.13%	5.75%	32.37%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.10	-1.52%	-3.89%	3.29%	-38.59%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent đã tăng 49 US cent, tương đương 0.8%, lên 64.77 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas (Mỹ) tăng 55 US cent, tương đương 1%, lên 58.64 USD/thùng.
- Giá dầu kết thúc phiên vừa qua tăng khoảng 1% sau nhiều giờ giao dịch đầy biến động vì các thương gia tập trung đồn đoán khi nào Saudi Arabia có thể khôi phục hoàn toàn sản lượng sau khi bị tấn công vào các cơ sở sản xuất dầu hôm 14/9/2019.
- Các nhà đầu tư lưỡng lự không muốn đẩy giá lên quá cao, giữa bối cảnh liên tục có những thông tin đan xen về Saudi Arabia. Lúc đầu phiên, giá dầu Brent có lúc lên tới 65.5 USD sau khi Wall Street Journal đưa tin có thể Aramco phải mất nhiều tháng hơn dự kiến để khôi phục sản lượng, sau đó giá giảm nhanh về 63.53 USD sau khi Reuters đưa tin Saudi Arabia có thể khôi phục sản lượng như ban đầu vào tuần tới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.5 US cent lên 1,523.51 USD/ounce, sau khi có lúc đạt 1,526.8 USD, cao nhất kể từ 6/9/2019; vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 1.1% đạt 1,531.5 USD/ounce.
- Nhà phân tích chiến lược cấp cao Phillip Streible của RJO Futures dự báo trong bối cảnh hiện tại, giá vàng có thể còn lên tới 1,550 USD do "tỷ lệ lãi suất thấp, rủi ro địa chính trị gia tăng, (Mỹ) chưa có thỏa thuận (thương mại) với Trung Quốc và số liệu kinh tế cho thấy sự yếu kém đến mức gây lo ngại sẽ suy thoái". Hoạt động kinh doanh của lĩnh vực tư nhân Đức tháng 9/2019 giảm xuống mức thấp nhất 6,5 năm, trong khi tăng trưởng kinh doanh ở Eurozone trì trệ.

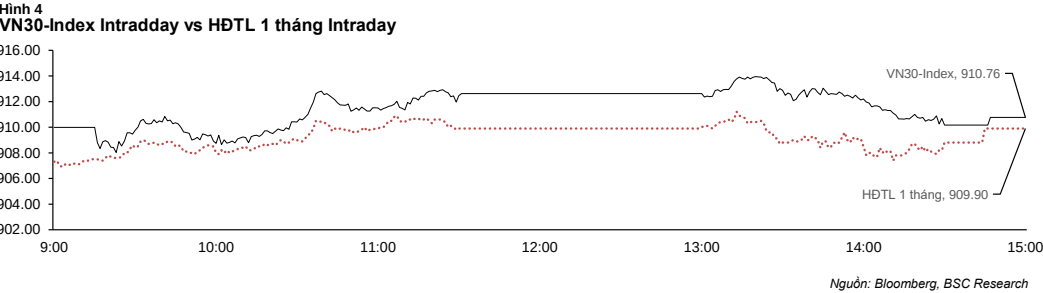
Giá đồng

- Kết thúc phiên vừa qua, đồng kỳ hạn 3 tháng trên sàn London (LME) giảm 0.3% xuống 5,778 USD/tấn; đầu phiên có lúc xuống 5,718 USD/tấn, thấp nhất kể từ 4/9/2019.
- Tuy nhiên, ngoài yếu tố chiến tranh thương mại, thị trường đồng vẫn có "động lực" tăng khi "Nhu cầu đối với đồng physical không tệ" theo nhận định của nhà phân tích trưởng Guy Wolf thuộc Marex Spectron; và thông tin thị trường đồng thế giới tiếp tục thiếu hụt 21,000 tấn trong tháng 6/2019, sau khi thiếu 70,000 tấn trong tháng 5/2019, theo thông tin từ Tập đoàn Nghiên cứu Đồng quốc tế (ICSG). Tổ chức này cho biết, trong 6 tháng đầu năm nay, thị trường đã thiếu hụt 220,000 tấn đồng, so với mức thiếu 177,000 tấn cùng kỳ năm ngoái.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 đã tăng 0.13 US cent, tương đương 1.1%, lên 11.22 US cent/lb, trong khi đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 3.6 USD, tương đương 1.1%, lên 329.3 USD/tấn. Dự đoán thị trường đường sẽ rơi vào thiếu hụt khiến nhiều nhà đầu tư tích cực mua đường vào để đầu cơ. Tuy nhiên, Ấn Độ có thể gia tăng xuất khẩu vẫn là yếu tố rủi ro lớn đối với thị trường này.
- Số liệu của Hải quan Trung Quốc cho thấy, nhập khẩu thịt lợn vào nước này trong tháng 8/2019 đã tăng 76% so với cùng tháng năm ngoái, đạt 162,935 tấn. Tuy nhiên, so với mức 182,227 tấn của tháng 7/2019, khối lượng nhập khẩu đã giảm đi. Nguyên nhân do dịch tả lợn Châu Phi khiến số lượng lợn nuôi ở Trung Quốc giảm mạnh. Dịch tả này kéo dài đã một năm, khiến số lợn nuôi ở Trung Quốc giảm gần 40%, đồng thời đẩy giá loại thịt này lên mức 41.9 CNY (5.90 USD)/kg hiện nay, kéo chỉ số giá thực phẩm của nước này lên mức cao nhất kể từ tháng 1/2012.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	909.90	0.32%	-0.86	20.8%	70421	10/17/2019	25
VN30F1911	907.50	0.28%	-3.26	14.3%	264	11/21/2019	60
VN30F1912	906.70	0.14%	-4.06	-30.2%	60	12/19/2019	88
VN30F2003	907.30	0.03%	-3.46	-23.2%	156	3/19/2020	179

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 0.78 điểm lên mức 910.76 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VCB, VIC, HPG, và MBB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 hồi phục tích cực trong phiên sáng sau khi giảm mạnh vào hôm qua. Trong phiên chiều, đà hồi phục thu hẹp dần, chốt phiên trên mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm và các chỉ báo động lượng tiếp tục cho thấy tín hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn, dự kiến quay lại ngưỡng 905 điểm trong những phiên tới.

- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng khác đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1910 và VN30F1911 giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CVNM1901	KIS	12/13/2019	80	10:1	526,410	85.3%	5.0 triệu	19.90%	1,200	790	23.44%	5.10
CHPG1905	SSI	12/30/2019	97	1:1	45,690	-69.4%	1.0 triệu	28.97%	3,300	2,980	7.19%	1,033.70
CVRE1901	KIS	11/14/2019	51	2:1	216,460	-50.0%	2.5 triệu	27.74%	1,900	980	4.26%	19.60
CREE1901	MBS	11/19/2019	56	3:1	110,560	-65.3%	3.0 triệu	22.22%	1,260	1,860	2.20%	597.10
CVIC1901	KIS	11/14/2019	51	5:1	71,690	-24.8%	2.0 triệu	21.65%	1,960	1,590	1.92%	23.80
CMBB1902	HSC	12/17/2019	84	1:1	80,960	-61.9%	1.0 triệu	23.13%	3,200	3,500	0.00%	1,146.20
CMWG1904	SSI	9/28/2019	97	1:1	14,320	448.7%	1.0 triệu	20.33%	14,000	37,710	-0.29%	33,132.80
CFPT1904	MBS	11/19/2019	56	3:1	117,580	-18.6%	3.0 triệu	19.84%	1,700	2,820	-1.05%	1,622.90
CFPT1903	SSI	12/30/2019	97	1:1	112,400	84.1%	2.0 triệu	19.84%	6,000	13,800	-1.50%	11,651.80
CMWG1903	HSC	12/30/2019	97	5:1	70,210	-60.5%	2.0 triệu	20.33%	2,700	6,800	-1.73%	5,632.30
CHPG1906	KIS	11/14/2019	51	2:1	5,200	-85.1%	5.0 triệu	28.97%	1,500	620	-4.62%	15.90
CMWG1902	VND	12/11/2019	78	4:1	24,700	1116.7%	2.4 triệu	20.33%	2,990	9,800	-4.85%	8,227.50
CFPT1902	SSI	9/30/2019	6	1:1	41,600	-43.3%	1.0 triệu	19.84%	3,800	11,210	-11.52%	11,100.20
CHMSN1901	KIS	11/14/2019	51	5:1	78,990	21.3%	1.8 triệu	20.37%	1,920	1,430	-11.73%	337.60
CHPG1902	KIS	12/11/2019	78	5:1	90,310	27.0%	3.0 triệu	28.97%	1,000	270	-20.59%	-
CHPG1904	SSI	9/30/2019	6	1:1	258,630	-20.8%	1.0 triệu	28.97%	2,200	300	-26.83%	56.50

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CHPG1904 và CHPG1902 tiếp tục giảm mạnh lần lượt là 26.83% và 20.59%. CVNM1901 lại tăng mạnh 23.44%. Thanh khoản thị trường giảm 23.90%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 28% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MBB đang hoạt động quanh ngưỡng kháng cự 22. Thanh khoản giữ ở mức thấp dưới mức trung bình 20 phiên. Như vậy, MBB có khả năng vận động điều chỉnh giảm ngắn hạn trong các phiên tới, tạo áp lực giảm giá lên chứng quyền của cổ phiếu này.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	126.90	1.93	1.69
VCB	80.60	2.03	0.66
VIC	120.10	0.92	0.65
HPG	22.15	0.68	0.35
MBB	22.15	0.45	0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	122.0	-1.61	-0.80
MSN	79.0	-1.25	-0.65
SAB	263.0	-0.98	-0.26
FPT	56.2	-0.53	-0.23
TCB	22.6	-0.22	-0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKKS
CVNM1901	46,340	156,285	126,900
CHPG1905	93,300	23,100	22,150
CVRE1901	44,688	40,888	33,800
CREE1901	41,330	37,550	38,150
CVIC1901	150,688	140,888	120,100
CMBB1902	26,300	21,800	22,150
CMWG1904	165,000	90,000	122,000
CFPT1904	57,100	52,000	56,200
CFPT1903	56,154	45,140	56,200
CMWG1903	25,800	95,000	122,000
CHPG1906	31,088	28,088	22,150
CMWG1902	48,130	90,000	122,000
CFPT1902	96,981	45,140	56,200
CHMSN1901	98,488	88,888	79,000
CHPG1902	166,285	41,999	22,150
CHPG1904	98,800	23,100	22,150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	122.0	-1.6%	0.7	2,348	4.3	7,893	15.5	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.0	-0.6%	1.0	803	1.1	4,727	17.6	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	73.2	0.1%	1.3	2,231	0.3	1,505	48.6	3.3	25.5%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.6	-2.0%	0.7	338	0.2	3,061	11.0	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	120.1	0.9%	1.1	17,472	1.3	1,643	73.1	4.9	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	33.8	0.3%	1.1	3,422	2.1	1,033	32.7	2.8	32.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.5	-0.2%	0.8	2,488	0.8	3,579	17.2	2.8	7.5%	17.8%
REE	Bất động sản	38.2	0.4%	1.0	514	1.1	5,261	7.3	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.9	0.6%	1.4	384	0.8	3,744	4.5	1.1	46.8%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.7	1.4%	1.3	478	2.3	1,997	10.8	1.2	57.2%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.4	-0.1%	1.0	253	0.0	5,067	7.0	1.6	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.6	1.3%	1.4	313	0.8	1,434	16.5	1.7	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	56.2	-0.5%	0.8	1,657	6.2	4,349	12.9	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.0	-0.6%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.5	0.0%	1.5	8,613	1.0	6,066	17.1	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.9	-1.1%	1.5	3,153	0.9	3,350	18.2	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.2	-0.5%	1.7	420	1.4	2,397	8.4	0.7	23.0%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.3	-1.1%	0.8	1,254	1.0	1,163	8.0	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.4	0.1%	0.5	520	0.0	4,616	19.8	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.1	-0.8%	0.7	222	0.1	853	15.3	0.7	19.2%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.5	-1.2%	0.6	195	0.4	897	9.4	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	80.6	2.0%	1.3	12,997	2.7	4,729	17.0	3.9	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	39.5	-0.5%	1.5	5,864	1.4	2,091	18.9	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.8	-1.2%	1.6	3,359	3.2	1,470	14.1	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.4	-0.2%	1.2	2,281	1.5	2,989	7.1	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.2	0.5%	1.1	2,198	3.6	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.2	-0.4%	1.1	1,635	1.3	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	51.7	0.4%	0.9	184	0.3	5,017	10.3	1.7	77.8%	17.1%
NTP	Nhựa	38.2	1.9%	0.3	148	0.0	4,490	8.5	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	17.3	-1.7%	1.2	676	0.0	732	23.6	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.2	0.7%	1.0	2,659	1.9	2,760	8.0	1.4	38.1%	19.9%
HSG	Thép	6.6	0.0%	1.5	121	0.2	425	15.4	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	126.9	1.9%	0.8	9,608	7.4	5,465	23.2	7.8	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	263.0	-1.0%	0.8	7,333	0.3	6,735	39.1	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	79.0	-1.3%	1.2	4,015	1.9	3,304	23.9	3.0	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.0	0.3%	0.5	410	0.9	542	33.1	1.6	6.2%	4.9%
ACV	Vận tải	75.9	-0.7%	0.8	7,184	0.2	2,630	28.9	5.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	137.6	0.0%	1.1	3,134	2.7	9,850	14.0	5.3	20.3%	43.3%
HVN	Vận tải	33.2	0.3%	1.7	2,044	0.3	1,747	19.0	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.7	0.9%	0.8	357	0.5	1,888	14.6	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.9	0.3%	0.6	219	0.3	2,435	7.4	1.2	30.5%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	96.9	-0.6%	0.9	661	1.4	7,667	12.6	4.9	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	-1.0%	0.8	376	0.5	1,327	14.5	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	0.7%	0.8	252	0.0	1,657	9.2	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	96.7	-2.3%	0.7	321	0.2	13,535	7.1	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.6	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.5	-0.5%	0.5	220	0.1	387	52.9	1.0	52.2%	1.9%
POW	Điện	12.5	-0.4%	0.6	1,273	0.3	820	15.2	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	24.0	0.2%	0.6	300	0.2	2,241	10.7	1.7	21.6%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	80.60	2.03	1.75	791470.00
VNM	126.90	1.93	1.23	1.34MLN
VIC	120.10	0.92	1.09	258080.00
HPG	22.15	0.68	0.12	1.98MLN
PHR	55.70	3.34	0.07	363960.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	263.00	-0.98	-0.49	21610.00
MSN	79.00	-1.25	-0.35	561260.00
CTG	20.75	-1.19	-0.28	3.49MLN
PLX	60.90	-1.14	-0.27	356990.00
MWG	122.00	-1.61	-0.26	796020.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	5.84	6.96	0.00	470.00
L10	16.20	6.93	0.00	10.00
TCO	8.67	6.91	0.00	20.00
SMA	14.40	6.67	0.01	3200.00
VNL	16.00	6.67	0.00	540.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HRC	46.50	-7.00	-0.03	64000.00
EMC	14.70	-6.96	-0.01	500.00
FTM	3.22	-6.94	0.00	164920.00
LBM	29.70	-6.90	-0.01	130.00
TTE	13.50	-6.90	-0.01	1230.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	25.30	10.00	0.05	17200.00
PVX	1.40	7.69	0.02	488100.00
NTP	38.20	1.87	0.02	18700.00
CTB	31.90	9.25	0.02	500.00
NTH	29.70	10.00	0.02	3200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

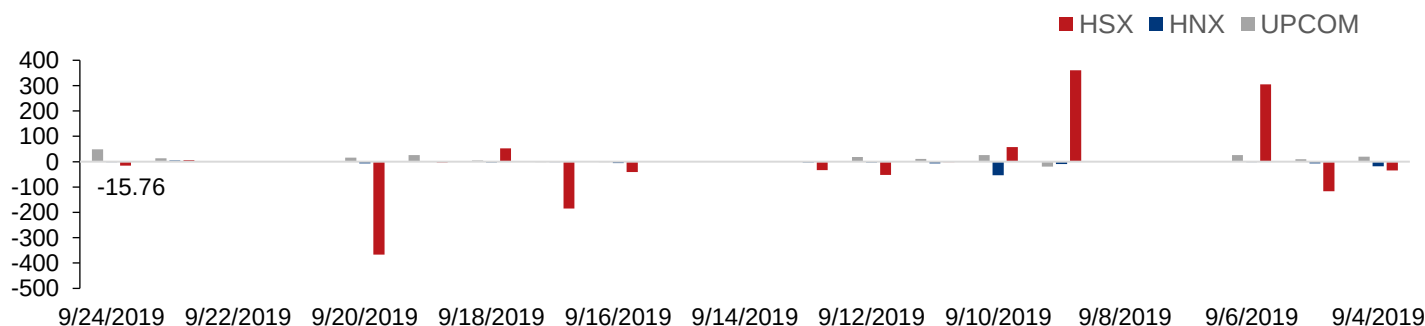
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	-0.43	-0.17	1.32MLN
DL1	26.50	-9.86	-0.14	100.00
SHB	6.50	-1.52	-0.11	2.87MLN
CAG	85.90	-9.96	-0.03	100.00
PVI	33.60	-2.04	-0.03	162100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	205700.00
MBG	25.30	10.0	0.05	17200.00
NHC	33.00	10.0	0.01	100.00
NTH	29.70	10.0	0.02	3200.00
PPY	14.70	9.7	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	37400.00
HKB	0.60	-14.29	-0.01	151100.00
DID	6.30	-10.00	0.00	100.00
SDG	37.80	-10.00	-0.02	1000.00
CAG	85.90	-9.96	-0.03	100.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.2	4,469	5.2	1.2	Click
2	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.1	1,098	12.8	1.2	Click
3	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	80.6	4,729	17.0	3.9	Click
4	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	24.1	1,295	18.6	1.9	Click
5	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.2	3,215	6.9	1.4	Click
6	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	54.5	2,801	19.5	3.2	Click
7	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.7	1,888	14.6	1.3	Click
8	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.0	3,705	7.6	2.0	Click
9	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.2	4,349	12.9	2.9	Click
10	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.5	649	20.8	1.2	Click
11	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	122.0	7,893	15.5	5.2	Click
12	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	83.0	4,727	17.6	4.5	Click
13	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.4	5,276	10.3	2.9	Click
14	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	27.9	4,234	6.6	0.9	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	23.2	4,469	5.2	1.2	Click
16	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.4	3,873	4.5	1.2	Click
17	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.6	425	15.4	0.5	Click
18	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	47.0	4,961	9.5	2.8	Click
19	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	79.0	3,304	23.9	3.0	Click
20	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	160.7	7,716	20.8	10.8	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 22724 ; Giá tại Publish 21250 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ẩn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giá định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 28500 ; Giá tại Publish 30100 BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kèm thể giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ác quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ác quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng.
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 47400 Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất được lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 lọ/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 lọ/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A ; Giá tại Publish 81900 Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước). Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongbt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn